

Số: /TTr-UBND

Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### **Đề nghị thông qua Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/39/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo số 170/BC-HĐTĐ ngày 09/01/2023 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1242/SKHĐT-THQH ngày 29/6/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

#### **I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH**

Phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh Lai Châu bao gồm toàn bộ lãnh thổ tỉnh Lai Châu với diện tích tự nhiên là 9.068,73 km<sup>2</sup> có tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 21°41' đến 22°49' vĩ độ Bắc và từ 102°19' đến 103°59' kinh độ Đông, thuộc vùng Trung du và miền núi Phía Bắc. Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung

Quốc) và tỉnh Lào Cai, phía Nam giáp tỉnh Điện Biên, phía Đông giáp tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái, phía Tây giáp tỉnh Điện Biên và tỉnh Sơn La.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

### **1. Quan điểm phát triển**

a) Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của cả nước; các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng và phương hướng phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Trung du và miền núi Phía Bắc.

b) Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt; phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện nhiệm vụ chiến lược về quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn tỉnh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Phát triển nền kinh tế tuần hoàn, đảm bảo phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng tăng cường kết nối trong và ngoài tỉnh. Tăng cường liên kết trong phát triển với các địa phương, chủ động hội nhập quốc tế.

d) Huy động mọi nguồn lực và sử dụng có hiệu quả; tập trung nguồn lực đầu tư có trọng điểm gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng theo chiều sâu, tạo ra động lực mới để phát triển “Một trục, hai vùng, ba trụ cột”. Tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực để phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Thực hiện hiệu quả cải cách thể chế, tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn tỉnh.

đ) Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển bền vững. Xây dựng chính sách để khuyến khích, phát huy tinh thần cống hiến, hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc. Lấy đầu tư cho giáo dục và đào tạo làm nền tảng cho phát triển bền vững và vươn lên thoát nghèo, tiến tới làm giàu trong Nhân dân.

## 2. Mục tiêu phát triển

### a) Mục tiêu tổng quát:

Nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, nguồn lực bên trong và bên ngoài để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, xây dựng Lai Châu phát triển xanh, nhanh, bền vững và toàn diện trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, gia tăng đóng góp của ngành dịch vụ, tập trung phát triển kinh tế biên mậu và du lịch gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển công nghiệp năng lượng, khai khoáng, chế biến, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng địa phương; nông nghiệp phát triển theo hướng đa giá trị, sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhất là hạ tầng liên kết vùng. Khoa học, công nghệ được ứng dụng hiệu quả, kinh tế số phát triển, chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao. Các lĩnh vực văn giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội được phát triển toàn diện, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, mở rộng hợp tác, hội nhập sâu rộng. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Đến năm 2030, phấn đấu đưa Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình của vùng Trung du và miền núi Phía Bắc.

### b) Chi tiêu cụ thể đến năm 2030

#### (i) Về kinh tế:

(1). Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 9%-11% trong đó: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng khoảng 5,0%/năm; ngành công nghiệp, xây dựng tăng khoảng 13,6%/năm; ngành dịch vụ tăng khoảng 7,9%/năm.

(2). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 10,1%; ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 48,5%; ngành dịch vụ chiếm 33,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,0%.

(3). Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 116,6 triệu đồng/người/năm (tương đương 4.266 USD theo giá hiện hành).

(4). Huy động vốn đầu tư cho phát triển giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 168 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 6,5 tỷ USD (theo giá hiện hành).

(5). Tăng năng suất lao động bình quân đạt 8,2%/năm.

(6). Thu ngân sách trên địa bàn trên 4.500 tỷ đồng vào năm 2030.

(7). Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân đạt 13%.

(8). Khách du lịch năm 2030 đạt khoảng trên 2 triệu lượt người.

*(ii) Về văn hóa, xã hội; giáo dục, y tế:*

(9). Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 546 nghìn người. Tốc độ tăng dân số trung bình khoảng 1,4% - 1,5%/năm.

(10). Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%.

(11). Tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó lao động qua đào tạo, có bằng cấp chứng chỉ đạt 55%. Trung bình mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 9.700 lao động.

(12). Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 80%.

(13). Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 2% - 3%/năm.

(14). Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt trên 40 giường và đạt trên 13 bác sĩ/vạn dân; 97,71% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

(15). Tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hoá đạt 88%; tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 86,5%; tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt 78%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 98%.

(16). Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 70% số xã, trong đó tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt 25%; có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

*(iii) Về kết cấu hạ tầng:*

(17). Cứng hóa 100% đường huyện và trên 80% đường xã của tỉnh.

(18). Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, 30% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch.

(19). Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 98%.

(20). Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang trên phạm vi toàn tỉnh. Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng 5G.

*(iv) Về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường:*

(21). Tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%.

(22). Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp được thu gom, xử lý đạt 90%.

(23). Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%.

(v) *Về quốc phòng an ninh, đối ngoại:*

(24). Tăng cường quản lý về quốc phòng, an ninh, chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ; thực hiện tốt phòng chống các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống. Xây dựng, củng cố, phát huy thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ biên giới và mốc giới quốc gia; tăng cường công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại biên phòng và đối ngoại nhân dân, giải quyết tốt các sự kiện biên giới.

c) *Tầm nhìn đến năm 2050*

Lai Châu là tỉnh biên giới xanh, văn minh, giàu bản sắc văn hoá, phát triển toàn diện, bền vững; kết cấu hạ tầng nông thôn được hiện đại hóa, đạt đầy đủ các tiêu chí của nông thôn mới. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Phấn đấu đưa Lai Châu trở thành tỉnh thuộc nhóm phát triển khá của vùng Trung du và miền núi Phía Bắc.

### **3. Các đột phá phát triển**

- Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, để đảm bảo tính kết nối của tỉnh với các địa phương trong khu vực, cả nước và thị trường Vân Nam (Trung Quốc); thu hút đầu tư cảng hàng không Lai Châu theo hình thức PPP. Phát triển hạ tầng du lịch, nông nghiệp, đô thị để thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hạ tầng công nghệ thông tin để hướng tới mục tiêu xây dựng nền kinh tế số, xã hội số.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo động lực phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, lợi thế như: du lịch, thủy điện, nông nghiệp đặc hữu, khoáng sản... Trong đó, tập trung vào việc nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách mang tính đặc thù, sáng tạo, làm gia tăng lợi thế cạnh tranh của địa phương.

- Thu hút và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hỗ trợ, đầu tư tăng tỷ lệ lao động chất lượng cao trong cơ cấu lao động; khơi dậy khát vọng cống hiến, vươn lên, phát huy giá trị văn hóa, con người Lai Châu.

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực; đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

#### **4. Định hướng không gian và các trụ cột phát triển**

Tỉnh Lai Châu phát triển theo trọng tâm “một trụ - hai vùng - ba trụ cột”. Cụ thể như sau:

- Một trụ: Trụ trọng yếu phát triển kinh tế hình thành dọc theo QL.32 - QL.4D - QL.12 nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai qua QL.279, kết nối huyện Than Uyên - huyện Tân Uyên - huyện Tam Đường - Thành phố Lai Châu - huyện Phong Thổ ra cửa khẩu quốc tế Ma Lò Thành.

- Hai vùng kinh tế của tỉnh, gồm:

+ Vùng kinh tế động lực (*gồm các huyện và thành phố: Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, TP. Lai Châu và Phong Thổ*): tập trung phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm, văn hóa cộng đồng; sản xuất điện, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông sản, chế biến đất hiếm; phát triển đô thị, kinh tế biên mậu.

+ Vùng kinh tế nông - lâm sinh thái Sông Đà (*gồm các huyện biên giới Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè*): Bảo vệ phát triển rừng, trồng quế, mắc ca, cây gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng (sâm Lai Châu), dịch vụ môi trường rừng. Sản phẩm: cao su, quế, mắc ca, dược liệu và các sản phẩm đặc hữu.

+ Ba trụ cột phát triển kinh tế: gồm dịch vụ, tập trung vào du lịch gắn với bản sắc văn hóa và kinh tế biên mậu; công nghiệp, tập trung vào công nghiệp năng lượng, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông lâm thủy sản; nông nghiệp, tập trung vào phát triển nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi giá trị, dựa vào các sản phẩm nông, lâm sản có lợi thế, có giá trị gia tăng cao.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

#### **1. Ngành công nghiệp:**

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, theo cả chiều rộng và chiều sâu; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh theo hướng chuyên sâu gồm: công nghiệp sản xuất điện, chế biến nông lâm sản, công nghiệp khai thác và chế biến sâu khoáng sản (nhất là đất hiếm); duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, tiếp tục là động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

#### **2. Ngành dịch vụ:**

Phát triển ngành dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững trên cơ sở khai thác tối đa thế mạnh của tỉnh và theo kinh tế thị trường; chú trọng xây dựng, phát triển bền vững dịch vụ logistics; tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế biên mậu, phát huy vai trò là cửa ngõ thông thương giữa các nước ASEAN và Trung Quốc thông qua cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng; mở thêm một cửa khẩu Quốc gia tại huyện Mường Tè.

Phát triển du lịch Lai Châu trở thành lĩnh vực quan trọng trong cơ cấu ngành dịch vụ của tỉnh, phát triển mạnh du lịch trekking leo núi, thể thao mạo hiểm, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc; ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch mới như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe và vui chơi giải trí, vui chơi có thưởng,... Hình thành các khu/điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và cấp vùng.

### 3. Ngành nông, lâm nghiệp

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất tích hợp đa giá trị, nông nghiệp hàng hóa tập trung, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị, nông nghiệp tuần hoàn, sản phẩm sạch, hữu cơ phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh; tập trung phát triển một số sản phẩm chủ lực: mắc ca, chè, sâm Lai Châu, các sản phẩm OCOP đặc hữu... Các hoạt động nông nghiệp của tỉnh Lai Châu hướng tới phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế rừng bền vững dựa trên nguyên tắc phát triển toàn diện và đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại lâm sản, dịch vụ môi trường rừng gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng,... gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng có rừng và hưởng lợi từ rừng, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo an ninh quốc phòng và an ninh nguồn nước.

### 4. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học; thực hiện nhanh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Xây dựng và phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, các cụm liên kết ngành. Từng bước nâng tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

### 5. Phát triển lĩnh vực văn hóa xã hội

- *Văn hóa, thể thao*: Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; tăng cường hội nhập quốc tế về văn hóa. Xây dựng gia đình

no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Ưu tiên đầu tư cho thể thao thành tích cao, từng bước đưa thể dục thể thao thành một loại hình dịch vụ. Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- *Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp*: Tiếp tục thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cơ bản cho mọi đối tượng; tập trung đào tạo và định hướng nghề nghiệp đối với các lĩnh vực cần nguồn nhân lực hoặc thiếu hụt nguồn nhân lực. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; huy động nguồn lực, đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp học.

- *Y tế, chăm sóc sức khỏe của nhân dân*: Phát triển hệ thống y tế tỉnh Lai Châu theo hướng hiện đại và bền vững. củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã. Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập trên cơ sở phát huy nội lực, lợi thế và phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội của địa phương và khu vực lân cận.

- *An sinh xã hội*: Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, giảm tỷ lệ tái nghèo, nhất là các xã biên giới và vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản.

## 6. Quốc phòng, an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, toàn diện, có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao; không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống; bảo đảm giữ vững chủ quyền an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

### 1. Phương án tổ chức hệ thống đô thị

Hình thành chuỗi đô thị động lực: Thị trấn Phong Thổ và Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng – Thành phố Lai Châu - Thị trấn Tam Đường - Thị trấn Tân Uyên - Thị trấn Than Uyên. Đến năm 2030, toàn tỉnh Lai Châu có 11 đô thị, bao gồm: 01 đô thị loại III (thành phố Lai Châu), 05 đô thị loại IV; 05 đô thị loại V.

Hệ chuỗi thống đô thị phát triển phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh gồm đô thị trung tâm hành chính - chính trị và các đô thị vệ tinh,



được liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai kết hợp các trục dọc, trục ngang có mối liên kết với mạng lưới giao thông vùng trung du miền núi phía Bắc.

## 2. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Thực hiện quy hoạch, bố trí ổn định dân cư hợp lý đối với các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, không đảm bảo điều kiện sống ổn định và phát triển lâu dài. Ổn định dân di cư tự do, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, hỗ trợ người dân tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh. Sắp xếp, ổn định dân cư gắn với thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

## 3. Phương án phát triển các khu chức năng

- Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng là khu kinh tế cửa khẩu đa ngành, đa lĩnh vực, là một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của khu vực các tỉnh miền núi phía Tây Bắc. Tập trung phát triển 01 khu kinh tế hoàn chỉnh, 01 khu công nghiệp và 04 cụm công nghiệp.

- Khu du lịch: Phát triển 05 khu du lịch có tính độc đáo, hấp dẫn, có tiềm năng thu hút khách đối với khu vực, cả nước và quốc tế và 27 khu du lịch có ý nghĩa địa phương nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng giá trị trải nghiệm của du khách, từng bước thu hút thị trường khách du lịch lớn chuyển dịch từ các thị trường du lịch lân cận sang Lai Châu như: cao nguyên Sìn Hồ, khu Đèo Hoàng Liên, thác Tác Tình, hang động Pu Sam Cáp và Tiên Sơn, quần thể Putaleng, khu Sin Suối Hồ - Bạch Mộc Lương Tử, Sơn Bạc Mây, cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng, quần thể du lịch sinh thái Sông Đà gắn với Sầm Lai Châu,... Quy hoạch các khu chức năng tổng hợp sân golf và nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí.

- Quy hoạch các khu quân sự, an ninh, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đáp ứng yêu cầu công tác quốc phòng an ninh.

- Các khu chức năng khác: Phát triển một số vùng cây trồng hàng hóa tập trung; Vùng chăn nuôi tập trung; Vùng nông nghiệp công nghệ cao; Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học,...

## V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG

### 1. Phát triển mạng lưới giao thông

Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, tạo thành mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh, đồng bộ, hướng tới hiện đại, có tính kết nối cao từ trung ương đến tận thôn, bản, trong đó tập trung phát triển hệ thống giao thông

đổi ngoại để kết nối với các tỉnh và các trung tâm kinh tế lớn, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; thu hút đầu tư xây dựng sân bay tại thị trấn Tân Uyên; đầu tư xây dựng hệ thống cầu, hầm đường bộ kết nối liên vùng, liên tỉnh. Quan tâm phát triển mạng lưới giao thông nông thôn, đặc biệt là hệ thống đường đến trung tâm các huyện, các xã và các thôn, bản để đến năm 2030 hoàn thành cứng hóa 100% đường huyện và trên 80% đường xã. Đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đô thị theo hướng ngày một hiện đại, thông minh, đáp ứng nhu cầu đa dạng về giao thông vận tải. Đẩy mạnh phát triển hệ thống đường tuần tra, đường ra biên giới để tăng cường đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

## 2. Phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn cung cấp điện sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện một cách tối đa, có hiệu quả và có độ dự phòng nằm trong quy định, có khả năng hỗ trợ tốt cho lưới điện khu vực, đảm bảo huy động đủ công suất cấp điện cho phụ tải trong trường hợp sự cố và luôn đảm bảo cấp điện cho lưới điện của tỉnh từ ít nhất 2 nguồn khác nhau. Duy trì các nguồn phát điện hiện có, phát triển các dự án thủy điện đã được Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch và các nguồn phát điện tiềm năng: các nguồn thủy điện vừa nhỏ (682 MW), điện gió (555 MW), thủy điện tích năng (1.700 MW). Nghiên cứu tiềm năng điện mặt trời (550 MW).

Đầu tư hệ thống lưới điện truyền tải, phân phối đảm bảo cung cấp điện liên tục cho các hộ sử dụng điện trên địa bàn tỉnh, ổn định đáp ứng nhu cầu phụ tải tiêu thụ cực đại toàn tỉnh  $P_{max} = 250$  MW, điện thương phẩm 1.616 triệu kWh, đảm bảo truyền tải hết công suất của các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời lên lưới điện Quốc gia.

## 3. Phát triển thông tin và truyền thông

Đến năm 2030, tỉnh Lai Châu cơ bản hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số trên cả ba trụ cột là Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh và cơ bản hoàn thành trên các lĩnh vực ưu tiên. Phát triển mạng vận chuyển bưu chính công cộng từ trung tâm tỉnh đến các xã đảm bảo chất lượng phục vụ trong ngày đạt 100% số xã; xây dựng hạ tầng mạng thông tin di động 5G, 4G phủ sóng 100% khu dân cư, các khu vực biên giới; phát triển hạ tầng mạng cáp quang băng rộng đến 100% khu/tổ/bản.

## 4. Phát triển mạng lưới cấp, thoát nước

Phân vùng cấp nước thành 05 vùng theo lưu vực sông Đà, sông Nậm Na, sông Nậm Mạ sông Nậm Mu. Đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa các nhà máy nước, các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn, phấn đấu đến năm 2030: 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 30% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, trong đó 20% từ công trình cấp nước tập trung. Xây dựng các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại thành phố Lai Châu và khu vực trung tâm các huyện.

#### 5. Phát triển mạng lưới thủy lợi

Tập trung đầu tư mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình hồ, đập và thủy lợi đã xuống cấp, hư hỏng nặng; chú trọng xây dựng các công trình hồ, đập treo nhỏ ở những vùng cao, nơi khó khăn về nguồn nước, vừa phục vụ phát triển nông nghiệp, vừa cấp nước sinh hoạt; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước nhằm đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho các diện tích trồng lúa, nuôi trồng thủy sản, thâm canh tăng vụ và các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Giữ nguyên hiện trạng 432 hồ, đập; cải tạo, nâng cấp 587 công trình thủy lợi; xây mới 04 hồ chứa, 07 công trình thủy lợi, 65 đập tưới dưới 40 ha và các hồ treo trên địa bàn các huyện, thành phố; phấn đấu tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương đến năm 2030 đạt 88%.

#### 6. Phát triển các khu xử lý chất thải rắn

Các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh được phân bố hợp lý, đảm bảo phục vụ nhu cầu xử lý chất thải ở các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh. Thay thế dần hình thức chôn lấp bằng công nghệ hiện đại, phù hợp nhằm đảm bảo xử lý triệt để chất thải thông thường, chất thải nguy hại, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Quy hoạch mở rộng 8 khu xử lý chất thải rắn đô thị hiện có tại 8 huyện, thành phố trong toàn tỉnh, trong đó 01 khu xử lý liên vùng trong nội tỉnh của thành phố Lai Châu. Quy hoạch, đầu tư các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại các khu vực nông thôn theo xã hoặc cụm xã.

#### 7. Phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

- Duy trì các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh hiện có, đồng thời quy hoạch, công nhận các di tích trên địa bàn. Thực hiện đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện, cấp xã, cấp thôn bản; đầu tư các trung tâm văn hóa, thể thao, các cung văn hóa thiếu nhi cấp huyện. Đến năm 2030 toàn tỉnh có 47 di tích, trong đó có 41 di tích cấp tỉnh, 05 di tích cấp quốc gia, 01 di tích quốc

gia đặc biệt. Xây dựng mới 05 thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, 02 tượng đài và tranh hoành tráng.

- Củng cố, đầu tư phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, toàn tỉnh Lai Châu có: 134 trường mầm non; 79 trường tiểu học; 110 trường Trung học cơ sở và Phổ thông cơ sở công lập; thu hút đầu tư phát triển thêm 01 trường Trung học cơ sở ngoài công lập; 23 trường trung học phổ thông công lập; thu hút đầu tư phát triển 01 trường trung học phổ thông ngoài công lập. Đầu tư mới 04 cơ sở giáo dục nghề ngoài công lập và 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tại thành phố Lai Châu.

- Củng cố, đầu tư phát triển mạng lưới các cơ sở y tế. Đến năm 2030, hệ thống cơ sở y tế công lập tỉnh Lai Châu có 05 bệnh viện tuyến tỉnh, 04 phòng khám đa khoa khu vực, 08 trung tâm y tế huyện, 106 trạm y tế cấp xã và các đơn vị y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số, kiểm nghiệm, pháp y. Hệ thống cơ sở y tế ngoài công lập có quy mô khoảng 100 giường bệnh.

- Củng cố, đầu tư phát triển 07 cơ sở an sinh xã hội (gồm: 03 cơ sở bảo trợ xã hội, 02 cơ sở cai nghiện ma túy, 01 Trung tâm dịch vụ việc làm và 01 Trung tâm Đón tiếp thân nhân liệt sỹ và Điều dưỡng Người có công với cách mạng).

## **VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030**

Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và chống biến đổi khí hậu. Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất, đưa vào khai thác có hiệu quả đất chưa sử dụng, ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lấn chiếm gây hủy hoại môi trường. Đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên là 906.873 ha, trong đó: đất nông nghiệp khoảng 692.936 ha, tăng 58.155 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 50.497 ha, tăng 14.866 ha; đất chưa sử dụng khoảng 163.440 ha, giảm 73.022 ha.

## **VII. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

### **1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học**

#### **a) Phương án phân vùng bảo vệ môi trường**

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung tại nội thành, nội thị từ loại III trở lên; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải: Bao gồm vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của đô thị loại IV, loại V; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Các vùng khác gồm: Các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh không thuộc Vùng bảo vệ nghiêm ngặt và Vùng hạn chế phát thải.

#### b) Phương án phát triển mạng lưới quan trắc môi trường

Kế thừa và duy trì hệ thống 222 điểm quan trắc môi trường đã được phê duyệt; bổ sung mới khoảng 137 điểm quan trắc môi trường. Đầu tư bổ sung, nâng cấp trang thiết bị quan trắc, phân tích hiện trường và phòng thí nghiệm, hệ thống quan trắc không khí, nước mặt tự động, liên tục.

#### c) Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

Bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái tự nhiên; kiểm soát chặt chẽ các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; ứng dụng công nghệ số trong bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Chủ động sản xuất cây giống đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu trồng rừng mới tại tỉnh. Thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất tại các huyện Tân Uyên, Mường Tè, Tam Đường, Than Uyên; phát triển lâm nghiệp gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh, du lịch mạo hiểm.

### **2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên**

Khoanh định, quy hoạch, thăm dò, khai thác và chế biến 240 khu, điểm mỏ khoáng sản. Giai đoạn 2021-2025, thực hiện thăm dò, khai thác 118 điểm mỏ. Giai đoạn năm 2026-2030, thực hiện thăm dò, khai thác 122 điểm mỏ.

### **3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (1) đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (2) đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho môi trường để duy trì hệ sinh thái thủy sinh

trên các sông chính của từng khu dùng nước; (3) đảm bảo yêu cầu nước cho phát triển công nghiệp, Khu/cụm công nghiệp đóng góp giá trị kinh tế lớn cho tỉnh; (4) đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp (bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản).

Khai thác hiệu quả, ổn định, lâu dài nguồn nước mặt, nước dưới đất; Bảo đảm cân đối, đáp ứng hài hoà nhu cầu cấp nước trên phạm vi toàn tỉnh và từng vùng; tăng cường các biện pháp quản lý, chống thất thoát, lãng phí tài nguyên nước từ các công trình khai thác sử dụng nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả của mưa lũ, hạn hán vào mùa khô.

#### **4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

Xây dựng các giải pháp trọng tâm và ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với từng ngành, lĩnh vực và khu vực. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của toàn dân vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng kè chống sạt lở bờ sông, suối; bảo vệ khu dân cư và bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp. Tăng cường năng lực cho công tác giám sát, dự báo và cảnh báo thiên tai.

### **VIII. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, quy hoạch tỉnh xác định các dự án có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

### **IX. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Nhóm giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư**

Ưu tiên bố trí các nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án lớn, quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển nhưng không huy động được nguồn lực xã hội hóa. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, huy động mọi nguồn lực và đa dạng hóa các hình thức huy động vốn để đầu tư các dự án lớn về hạ tầng giao thông, thủy điện, khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, đô thị, du lịch và các dự án hạ tầng xã hội.

#### **2. Các giải pháp về phát triển và cung ứng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động**

Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo

nguồn nhân lực ở các cấp; chú trọng công tác đào tạo cho một số đối tượng và ngành nghề phù hợp với đặc thù của tỉnh, phù hợp với từng vùng và định hướng phát triển kinh tế, xã hội của các huyện, thành phố, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và theo nhu cầu của xã hội. Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

### 3. Các giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các bên liên quan đến bảo vệ môi trường và thực hiện tăng trưởng xanh. Phát triển cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải rắn, nước thải; hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm. Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp công nghệ cao để gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ.

### 4. Các giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

Nghiên cứu ban hành một số cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực nhằm (i) thu hút các nhà đầu tư chiến lược, đầu tư có hiệu quả, phát triển bền vững vào đầu tư tại tỉnh; (ii) hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng đối với phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh; (iii) huy động nguồn lực nâng cao chất lượng đô thị; (iv) hình thành vùng nguyên liệu lớn; (v) thu hút và sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao;...

### 5. Các giải pháp về liên kết phát triển

Tăng cường và thực hiện hiệu quả các chương trình liên kết vùng; phối hợp phát triển du lịch giữa Lai Châu với các địa phương lân cận; tham gia và thực hiện có hiệu quả Chương trình hợp tác 08 tỉnh Tây Bắc mở rộng về phát triển du lịch. Thực hiện liên kết với các địa phương trong vùng trong phát triển kinh tế - xã hội trên các tuyến hành lang kinh tế để phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ logistics và vận tải. Tiếp tục củng cố và tăng cường hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế; các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài; các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam để tranh thủ các nguồn vốn tài trợ, đầu tư, các dự án hỗ trợ phát triển.

6. Các giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn

Sớm xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch đô thị; từng bước xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện đặc thù của các vùng kinh tế trong tỉnh. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất. Thường xuyên cập nhật và công bố công khai định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện.

7. Các giải pháp về công tác đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển

Chú trọng phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng tại khu vực biên giới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, góp phần từng bước xây dựng xã hội trật tự kỷ cương, an toàn, lành mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

8. Các giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân; xây dựng chương kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa nội dung của Quy hoạch tỉnh bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện.

#### **Tài liệu kèm theo Tờ trình:**

(1). *Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

(2). *Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.*

(3). *Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.*

(4). *Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.*

(5). *Các hồ sơ, tài liệu khác liên quan.*

Các tài liệu được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư: <https://sokhdt.laichau.gov.vn/quy-hoach-tinh-lai-chau-thoi-ky-2021-2030-tam-nhin-den-nam-2050>.



Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh xem xét, thông qua./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, Th7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Giàng A Tính**